

< CFC >

, HCFC

HFC

20~40Km

180~320 (1 10 1)

CFC

가 (CFC)

92

4가 CFC

CFC HCFC · HBFC · 臭化

CFC

(NEDO)가 94

가 CFC

CFC

CFC

가 CFC · CFC · CFC

CFC · CFC

92

HCFC · HBFC · 臭化 3

NEDO가 94 8 60
가

CFC . 94 가

가 CFC

CFC , HFC

95 CFC CFC 가 2 96

CFC HFC가

CFC CFC 가 % 10% HCFC
가 HFC가 HCFC 96

2030 가 HFC

· HCFC HFC가

HFC134a CFC12

旭硝子 · 昭和電工 · 三井 · ICI 5 5

4 2~3 가 50%

HFC 가 가 HCFC CFC

HFC14a가 CFC22
HFC125 HFC32 · HFC134a

97 HFC
CFC 가) HHC134a HFC125 · HFC32
(3) 134a 50%(32 · 125 7~8000
) 5000 5 가 2
134a 가 가
旭硝子 · 昭和電工 ICI · 三井Dupont HFC
CFC CFC
97 가
CFC113 旭硝子が HCFC225
HCFC 2030

CFC 가 95

가 CFC · CFC
CFC CFC
NEC , 省 90 2 가 NEC秋田
, 94 4 富士通 93 3 , 三菱電機 93 ,
東芝 94 5 CFC
가 , HCFC22
CFC 가
가 가 松下電器産業 3
HCFC22 가 松下
松下
95 , HCFC 2030 CFC
) 2010 HCFC ICAR- MA(
HCFC HCFC
가 4가

